ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

số: AGIA_TVHN_20241115_1100
Ngày: 15/11/2024

BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm có khả năng lên theo triều trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống chậm; mực nước thấp nhất ngày xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực xuống chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 15/11 đến 19/11/2024

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		14/11	So với cùng kỳ 2022	So với TBNN	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	2.36	-0.02	-0.36	2.32	2.35	2.36	2.33	2.28
						Min	1.44	-0.18	-1.02	1.35	1.28	1.23	1.20	1.19
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	2.25	0.06	0.18	2.26	2.30	2.32	2.30	2.26
						Min	1.05	-0.08	-0.50	0.96	0.89	0.84	0.81	0.80
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	2.65	-0.34	-0.47	2.61	2.58	2.55	2.51	2.46
						Min	2.37	-0.48	-0.65	2.33	2.30	2.27	2.23	2.18
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	2.46	0.06	-0.07	2.45	2.48	2.49	2.46	2.41
						Min	1.43	-0.14	-0.81	1.34	1.27	1.22	1.19	1.18
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	2.32	0.08	0.41	2.34	2.39	2.42	2.41	2.38
						Min	0.95	0.03	-0.11	0.85	0.77	0.71	0.67	0.65
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	2.30	0.04	0.11	2.32	2.36	2.38	2.36	2.32
						Min	1.13	-0.09	-0.58	1.04	0.97	0.92	0.89	0.88
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	1.48	-0.48	-0.90	1.44	1.40	1.36	1.31	1.26
						Min	1.45	-0.47	-0.93	1.41	1.37	1.33	1.28	1.23
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.88	-0.45	-0.50	0.88	0.86	0.84	0.81	0.78
						Min	0.81	-0.47	-0.50	0.81	0.79	0.77	0.74	0.71
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	1.22	-0.20	-0.53	1.21	1.19	1.17	1.14	1.11
						Min	1.18	-0.21	-0.52	1.17	1.15	1.13	1.10	1.07
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	1.24	-0.19	-0.12	1.22	1.20	1.18	1.15	1.12
						Min	1.22	-0.20	-0.11	1.20	1.18	1.16	1.13	1.10
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.89	-0.33	-0.57	0.87	0.85	0.83	0.80	0.77
						Min	0.87	-0.34	-0.55	0.85	0.83	0.81	0.78	0.75
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	1.39	-0.06	-0.02	1.37	1.35	1.33	1.30	1.27
						Min	1.30	-0.10	-0.11	1.28	1.26	1.24	1.21	1.18
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.73	-0.10	-0.11	1.73	1.71	1.69	1.66	1.63
						Min	1.43	-0.19	-0.31	1.43	1.41	1.39	1.36	1.33
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	1.37	-0.03	-0.15	1.37	1.35	1.33	1.30	1.27
						Min	1.17	-0.04	-0.28	1.17	1.15	1.13	1.10	1.07

3. Cảnh báo (nếu có):

Trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức BĐII đến dưới BĐIII từ 0.05-0.25m. ***Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 2.*** *Trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức BĐI đến dưới BĐII từ 0.15-0.25m.* ***Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.***

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

Tin phát lúc 11h00 ngày 15/11/2024

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan